

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2022

PHẦN THỨ NHẤT

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Thiết bị, công nghệ của dây chuyền sản xuất vận hành tương đối ổn định, đáp ứng phương thức sản xuất của Công ty.

Đặc biệt Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và sự giúp đỡ của Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

2. Khó khăn

Thời gian chạy máy phụ thuộc hoàn toàn vào việc thực tế được cung cấp nguyên liệu; có thời điểm nhiều người lao động phải nghỉ cách ly do dịch Covid 19.

Chi phí lãi vay vốn đầu tư còn nhiều; giá nguyên liệu đầu vào cao; còn chịu chi phí phân bổ sửa chữa lớn những năm trước đó là những yếu tố làm tăng chi phí trong sản xuất kinh doanh của công ty.

Năm 2021 là năm thứ 2 công ty phải đối mặt với những khó khăn, thách thức chưa từng có do đại dịch Covid-19 gây ra làm nhu cầu tiêu dùng hàng hóa toàn thế giới giảm, một số ngành nghề sử dụng Ôxy già giảm năng lực sản xuất nên công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó giá Ôxy già nhập khẩu vào thị trường Việt Nam tiếp tục giảm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐVT | KH năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | So với (%) | |
|-----------|-------------------------------------|--------|-------------------|--------------------|-------------|-------------|
| | | | | | KH năm | TH 2020 |
| * | Thời gian sản xuất | Ngày | 282 | 279 | 99,0 | 91,5 |
| I | Sản lượng sản xuất (Quy 50%) | tấn | 9.450 | 8.602,5 | 91,5 | 84,7 |
| II | Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%) | | 9.400 | 8.883,9 | 94,5 | 90,1 |
| | Ôxy già 50% | tấn | 7.900 | 7.400,3 | 93,70 | 100,8 |
| | Ôxy già 35% | tấn | 1.200 | 1.494,3 | 124,5 | 123,7 |
| | Ôxy già 27,5% | tấn | 100 | 31,5 | 31,5 | 311,1 |
| | Ôxy già 25% | tấn | 1.200 | 840,8 | 70,1 | 144,9 |
| II | Giá trị tổng sản lượng | 1000 đ | 67.680.000 | 61.937.856 | 91,5 | 84,7 |

| | | | | | | |
|-----|--|---------|------------|-------------|-------|-------|
| III | Nộp Ngân sách nhà nước | 1000 đ | 2.684.083 | 2.425.652 | 90,4 | 58,0 |
| IV | Giá trị sửa chữa lớn | 1000 đ | 10.403.111 | 7.870.727 | 75,65 | 97,8 |
| | <i>Phân bổ vào giá thành SP</i> | | 6.375.512 | 5.180.526 | 91,3 | 97,8 |
| V | Lao động tiền lương | | | | | |
| | Tổng số lao động BQ năm | người | 68 | 57 | 83,8 | 94,9 |
| | Cán bộ quản lý | người | 3 | 3 | 100,0 | 100,0 |
| | Người lao động | người | 65 | 54 | 83,1 | 94,5 |
| | Quỹ lương theo đơn giá | 1000 đ | 5.724.401 | 5.101.062 | 89,11 | 89,2 |
| | Tiền lương BQ người lao động | đ/ng/th | 7.338.976 | 7.872.627 | 107,2 | 94,2 |
| VI | Doanh thu bán hàng H ₂ O ₂ | 1000 đ | 74.180.000 | 66.075.939 | 89,1 | 89,1 |
| VII | Lợi nhuận trước thuế | 1000 đ | 310.715 | (3.700.150) | - | |

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý công nghệ - định mức tiêu hao, thiết bị, chất lượng sản phẩm:

Công tác điều hành sản xuất: Quản lý chặt chẽ việc khống chế các điều kiện công nghệ, bổ sung hóa chất, đảm bảo sản xuất an toàn, giữ vệ sinh môi trường.

Thời gian sản xuất phụ thuộc vào việc được cung cấp nguyên liệu: Điện, khí H₂, hơi nước nên luôn bị động trong việc ngừng - chạy máy; số lần ngừng - chạy nhiều đã ảnh hưởng tới định mức tiêu hao và năng suất của dây chuyền, không chủ động được thời gian bảo dưỡng thiết bị, bổ sung xúc tác cũng như cân đối lượng tồn kho khi tiêu thụ sản phẩm:

+ Thời gian chạy máy là 279 ngày (*giảm 26 ngày so với năm 2020*).

+ Thời gian ngừng máy 86 ngày (*bằng 23,5% quỹ thời gian trong một năm*).

+ Số lần phải ngừng máy là 29 lần (*tăng 6 lần so với năm 2020*) trong đó: Do không có Điện, khí H₂, hơi nước là 25 lần (*tăng 5 lần so với năm 2020 với tổng thời gian phải ngừng máy là 67 ngày tăng 11,0 ngày so với năm 2020*); có 04 lần ngừng máy của công ty do (*không bán được hàng nên đầy kho chứa, bổ sung thêm xúc tác và máy nén khí tự ngừng với tổng thời gian phải ngừng máy là 19 ngày*). Số ngày ngừng máy nhiều và số lần phải ngừng - chạy lại máy nhiều là những yếu tố làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý công nghệ: Công nghệ sản xuất được duy trì ổn định; Quản lý chặt chẽ việc bổ sung hóa chất; Chất lượng dịch công tác được thường xuyên duy trì ổn định, hàm lượng EAQ hữu hiệu trong dịch công tác > 130 g/lít, từ quý 3 xúc tác bước vào giai đoạn cuối chu kỳ sản xuất nên hoạt tính của xúc tác có giảm.

Công tác quản lý định mức tiêu hao: Định mức tiêu hao thực hiện đều bằng và thấp hơn kế hoạch, chủ động điều chỉnh tỷ lệ thành phần dịch công tác theo yêu cầu thực tế sản xuất; riêng định mức tiêu hao Điện cao hơn kế hoạch giao: Do số lần ngừng- chạy máy nhiều và không bán được sản phẩm nồng độ loãng.

Công tác quản lý thiết bị: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị, động cơ đáp ứng yêu cầu sản xuất như: thay dầu máy bằng M3401B, trung tu máy nén khí AtlasCopco, thay túi lọc các bộ lọc, thay dầu máy nén khí ly tâm, bảo

dưỡng các động cơ điện, hiệu chỉnh các van và định vị van điều tiết, sơn phòng mục đường ống, lan can... Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị được thực hiện vào các đợt ngừng máy đảm bảo tiến độ, chất lượng, còn tồn tại **máy nén khí Samsung** phát sinh lỗi không mang tải (*tự đóng van cửa vào*) Công ty đã mời chuyên gia (Hàn Quốc) của hãng đến kiểm tra sửa chữa nhưng đến nay họ vẫn chưa tìm ra được nguyên nhân để sửa chữa triệt để.

Công tác sửa chữa lớn theo kế hoạch năm: Do dịch Covid-19 bùng phát dẫn tới khó khăn trong giao dịch và xuất nhập cảnh của chuyên gia nên công ty mới thực hiện được một hạng mục sửa chữa lớn là mua bổ sung 01 tấn xúc tác Paladi, tháng 4 bắt đầu triển khai thực hiện trình tự thủ tục mua, đến ngày 22/6 đăng thông báo mua bổ sung 01 tấn xúc tác Paladi bằng hình thức đấu thầu rộng rãi trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đến ngày 02/8 chỉ có một hồ sơ dự thầu nên công ty gia hạn thêm thời gian đóng thầu đến ngày 12/8, đến ngày 15/9 ký hợp đồng mua xúc tác, đến ngày 13/11 xúc tác về đến công ty tiến hành nạp xúc tác đưa vào sản xuất, hiện tại các chỉ tiêu công nghệ của xúc tác đáp ứng yêu cầu sản xuất cao tải. Các hạng mục đại tu máy nén khí Samsung, bảo dưỡng máy Turbin dẫn nỏ khí cuối chưa thực hiện được.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm luôn đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố, đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may, xử lý môi trường và đã có đơn vị sử dụng trong ngành điện tử, chất lượng sản phẩm của Công ty đã tạo được niềm tin với người sử dụng.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm: Đầu năm duy trì sản phẩm tồn kho ở mức thấp cân bằng giữa sản xuất và tiêu thụ, từ tháng 3 sản phẩm bán ra khó khăn dần do dịch Covid-19 làm nhu cầu tiêu dùng hàng hóa toàn thế giới giảm mạnh, một số ngành nghề sử dụng H_2O_2 phải giảm năng lực hoặc ngừng sản xuất như: dệt may, giấy, điện tử, thuốc da, tuyển quặng, thủy sản... dẫn tới nhu cầu sử dụng Ôxy già trong nước giảm, lượng “cung” dư thừa, giá Ôxy già nhập khẩu thấp (*có lô giá nhập khẩu chỉ còn 305USD/tấn*); Công ty nằm trong vùng tâm dịch Covid-19 phải thực hiện chỉ thị 16/CT-TTg hoặc 15/CT-TTg nên khó khăn trong vận chuyển, lưu thông hàng hóa, một số khách hàng như công ty Formosa Hà Tĩnh đã dừng nhận sản phẩm của công ty để sản xuất do yêu cầu về phòng dịch; từ tháng 8 toàn bộ khách hàng ở thị trường Miền Nam không mua sản phẩm của công ty do các Tỉnh, Thành phố khu vực Miền Nam phải thực hiện các biện pháp phong tỏa cách ly, giãn cách xã hội để phòng chống dịch, việc cấp giấy đi đường cho phép lưu thông, vận chuyển hàng hóa thiếu thống nhất giữa các địa phương khiến nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động gây ra khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm dẫn tới công ty phải ngừng máy 06 ngày do đầy kho chứa.

Sản lượng tiêu thụ đạt 8.883,9 tấn Ôxy già quy nồng độ 50% bằng 94,5 % so với kế hoạch năm (*bằng 90,1% so với năm 2020*), trong đó sản lượng tiêu thụ tại thị trường Miền Bắc (*quy về nồng độ 50%*) là 7.025 tấn chiếm 79,1% còn lại 1.859 tấn chiếm 20,9% phải bán thị trường Miền Nam. Giá bán bình quân năm chỉ đạt 7.450 đ/kg bằng 94,5% so với kế hoạch năm (*bằng 99,08% so với năm 2020*) không đạt kỳ vọng của kế hoạch năm. Đặc biệt sản phẩm loãng loại nồng độ 27,5%

và 30% không tiêu thụ được vì khách hàng không sử dụng do chi phí vận chuyển và kho chứa tăng cao.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Việc bố trí lao động đáp ứng sản xuất gặp khó khăn do thiếu lao động, dịch bệnh Covid-19 nhiều cương vị phải làm việc ở chế độ 3 ca 3 kíp, phải làm thêm giờ điền khuyết các cương vị thiếu người, trong năm có 07 lao động xin chấm dứt hợp đồng và 01 lao động nghỉ chế độ hưu trí (*ở đây cũng có trường hợp không phải do thu nhập mà do người lao động muốn chuyển đổi công việc khác*); có thời điểm một số lao động cư trú trong khu vực bị phong tỏa cách ly do dịch Covid-19 nên không đi làm được; đặc biệt có 02 lao động đều là Trưởng ca sản xuất vi phạm pháp luật do đánh bạc qua mạng Internet bị bắt tạm giam từ tháng 2 đến tháng 8, dẫn tới công ty càng thiếu lao động cho sản xuất; tháng 9 công ty tuyển được 03 lao động vào đào tạo, tính đến ngày 31/12/2021 tổng số lao động giảm 05 người so với đầu năm 2021. Triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 về *“Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp; sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả...”*. Tháng 12, Hội đồng quản trị công ty quyết định hợp nhất phòng Tổ chức hành chính với phòng Nghiệp vụ tổng hợp thành phòng Tổ chức và Nghiệp vụ; Tiền lương bình quân của người lao động đạt 7,87 triệu đồng/người/tháng (*tính cả làm thêm giờ khi chưa tuyển đủ lao động định biên*). Việc tuyển dụng lao động rất khó khăn, công ty đã hạ tiêu chuẩn tuyển dụng và xây dựng phương án tuyển dụng để đào tạo tại chỗ tuy nhiên vẫn chưa tuyển đủ lao động tối thiểu bù vào những người xin thôi hợp đồng. Quỹ lương của người lao động đạt 5,1 tỷ đồng (*bằng 89,2% so với năm 2020*).

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

Công tác kế hoạch: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông; căn cứ kế hoạch năm xây dựng kế hoạch tháng, quý sát với thực tế từng thời điểm để triển khai thực hiện.

Công tác quản lý vật tư: Vật tư tồn kho thực hiện theo đúng quy định tối đa, tối thiểu đáp ứng sản xuất; việc quản lý giá vật tư được thực hiện đúng quy chế mua vật tư; cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện theo đúng quy định cấp phát vật tư; vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng được bán để thu hồi vốn, năm 2022 đã bán thu hồi được 110,1 triệu đồng.

Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu giúp cho hội đồng giá xác định được giá bán hợp lý, năm 2022 hội đồng giá họp 4 lần để điều chỉnh giá bán sản phẩm và cơ chế bán hàng cho phù hợp với từng thời điểm và từng khách hàng. Xây dựng chính sách giá bán sản phẩm nồng độ loãng 25%; 30%; 35% để bán hàng và cạnh tranh với các nhà nhập khẩu.

Công tác quản lý tài chính: Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn; thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ nộp thuế, nộp ngân sách nhà nước. Linh hoạt cân đối dòng tiền ưu tiên trả gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng; duy trì ổn định dòng tiền đáp ứng cho sản xuất kinh doanh mà không phải vay vốn lưu động. Phối hợp cùng Công ty Mẹ thực hiện bán số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

PHẦN THỨ HAI

Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 và các giải pháp thực hiện

I. Đặc điểm tình hình:

Một số nguyên nhân sau sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty:

1. Rủi ro lớn nhất là phải ngừng máy khẩn cấp do không đủ nguyên liệu đầu vào dẫn tới không duy trì được sản xuất dài ngày - ổn định, số lần phải ngừng - chạy máy nhiều sẽ làm giảm sản lượng sản xuất, gia tăng các định mức tiêu hao, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn và bị động trong thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm.

2. Giá khí Hydro, hơi nước là nguyên liệu chính cho sản xuất Ôxy già vẫn ở mức cao, giá khí Hydro nguyên liệu tăng gấp nhiều lần so với giá tính toán khi thực hiện xây dựng dự án nhà máy, giá hóa chất nhập khẩu ở thị trường Trung quốc cũng tăng do ảnh hưởng của tỷ giá đồng Nhân dân tệ với Đô la Mỹ, chi phí vận chuyển nhập khẩu tăng cao. Năm 2022 phải chịu chi phí sửa chữa lớn như: đại tu máy nén khí Samsung, máy nén khí dẫn nổ Turbin, mua bổ sung 02 tấn xúc tác Paladi trong điều kiện giá Paladi tăng do *(sự kiện giữa Nga - Ukraine và đồng nhân dân tệ tăng giá so với đồng đôla)*, cộng thêm chi phí phân bổ sửa chữa lớn năm trước là 2,7 tỷ nên chi phí sửa chữa phân bổ vào giá thành sản phẩm năm nay lớn.

3. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 tới nhu cầu tiêu dùng hàng hóa toàn thế giới vẫn còn, giá Ôxy già nhập khẩu ở mức thấp từ (315 đến 390) USD/tấn và nguồn cung dồi dào từ nhiều nước: Hàn quốc, Thái lan, Bangladesh, Indonesia....

II. Mục tiêu, kế hoạch năm 2022.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 | So với TH 2021 (%) |
|-----------|-------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| * | Thời gian sản xuất | Ngày | 280 | 100,3 |
| I | Sản lượng sản xuất (Quy 50%) | tấn | 9.000 | 104,6 |
| II | Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%) | tấn | 9.000 | 101,3 |
| 2.1 | Ôxy già 50% | tấn | 7.900 | 106,7 |
| 2.2 | Ôxy già 35% | tấn | 1.100 | 73,5 |
| 2.3 | Ôxy già 27,5% | tấn | 50 | 158,9 |

| | | | | |
|-------------|--|---------|-------------------|--------------|
| 2.4 | Ôxy già 25% | tấn | 1.200 | 142,7 |
| III | Giá trị tổng sản lượng | 1000 đ | 64.800.000 | 104,6 |
| IV | Nộp Ngân sách nhà nước | 1000 đ | 1.792.139 | 73,9 |
| V | Giá trị sửa chữa lớn | 1000 đ | 16.310.510 | 207,2 |
| | <i>Trong đó: Phân bổ vào giá thành</i> | | <i>4.229.101</i> | <i>79,9</i> |
| VI | Lao động tiền lương | | | |
| 1 | Tổng số lao động | người | 65 | 108,3 |
| 1.1 | Cán bộ quản lý | người | 3 | 100,0 |
| 1.2 | Người lao động | người | 62 | 114,8 |
| 2 | Tổng quỹ lương người lao động | 1000 đ | 5.724.401 | 112,2 |
| 3 | Tiền lương bình quân người lao động | đ/ng/th | 7.694.087 | 90,1 |
| VII | Doanh thu tiêu thụ Ôxy già | 1000đ | 71.145.000 | 107,6 |
| VIII | Lợi nhuận trước thuế | 1000đ | 375.404 | - |

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

- Khai thác tối đa năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, tận dụng hết quỹ thời gian khi có đủ nguyên liệu đầu vào để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất có thể.

- Quản lý chặt chẽ chất lượng dịch công tác; bổ sung hóa chất đảm bảo yêu cầu tỷ lệ, thành phần dịch công tác theo tư vấn của Nhà sản xuất cung cấp xúc tác, nhằm đạt sản lượng cao nhất, chất lượng sản phẩm tốt nhất. Cấp phát vật tư cho sản xuất theo đúng quy định cấp phát vật tư của Công ty.

- Tập trung triển khai lập phương án và lên kế hoạch mua vật tư phục vụ đại tu máy nén khí Samsung, đặc biệt mua bổ sung 02 tấn xúc tác Paladi để kết hợp khi ngừng máy sửa chữa theo kế hoạch của Công ty Đạm sẽ đưa vào sản xuất.

- Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị theo kế hoạch, không để xảy ra sự cố do chủ quan; rà soát lập nhu cầu vật tư dự phòng đặc biệt là vật tư dự phòng thay thế cho các thiết bị động, đơn chiếc phải mua chính hãng hoặc mua ở nước ngoài.

2.2 Công tác tiêu thụ:

- Bám sát diễn biến thị trường để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, phấn đấu tiêu thụ hết sản phẩm ở thị trường Miền Bắc.

- Ưu tiên phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm lỏng; tiếp tục tìm kiếm các đơn vị có nhu cầu sử dụng Ôxy già tại khu vực Miền Bắc để bán hàng;

- Duy trì việc cập nhật thường xuyên thông tin giá nhập khẩu để linh hoạt điều chỉnh giá bán với từng nhà phân phối, phù hợp với giá thị trường.

2.3 Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

- Cập nhật diễn biến giá cả vật tư, chế độ chính sách của Nhà nước để kiểm soát giá mua vật tư theo đúng Quy chế mua vật tư; thực hiện tốt quy định tồn kho tối đa tối thiểu đảm bảo vật tư cho sản xuất,

- Tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo cho sản xuất, mua xúc tác, sửa chữa lớn và trả nợ gốc vay đầu tư nhà máy theo kế hoạch.

2.4 Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo.

- Tuyển bổ sung công nhân vận hành hóa, vận hành điện có chất lượng đúng ngành nghề đào tạo để đảm bảo số lao động cần thiết cho sản xuất. Tiếp tục chương trình đào tạo để một người có thể vận hành thành thạo được hai cương vị sản xuất khác nhau nhằm điền khuyết khi có người nghỉ.

- Phân đầu đảm bảo ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động để họ yên tâm công tác. Trong trường hợp thời gian ngừng máy do không đủ nguyên liệu đầu vào để sản xuất sẽ bố trí cho người lao động nghỉ chế độ như nghỉ bù, nghỉ phép và cuối cùng là nghỉ chờ việc.

- Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

2.5 Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường: Tiếp tục quan tâm cải thiện môi trường nhà xưởng, cương vị làm việc; hàng quý, triển khai đo quan trắc môi trường, ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và rác thải sinh hoạt, triển khai tập huấn công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, cấp phát bảo hộ lao động, trang bị an toàn cho người lao động theo đúng quy định.

Năm 2022, tập thể người lao động trong Công ty tiếp tục phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất - kinh doanh do Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty giao; Tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh an toàn - ổn định với năng suất, chất lượng cao nhằm mục tiêu thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi vay đầu tư, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty (b/c);
- Lưu VT, TCNV.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Phạm Hoàng Hưng